

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2013

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 04 năm 2014

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ VINACOMIN
NĂM 2013

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin;
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Campha Thermal Power Joint - Stock Company;
- Tên viết tắt: CPC;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700428470 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 04/11/2002, thay đổi lần thứ 4 ngày 27/07/2012;
- Vốn điều lệ: 2.080.000.000.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.969.806.222.882 đồng;
- Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh - thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh;
- Điện thoại: 033 3734 459;
- Fax: 033 3730 956;
- Website: <http://www.nhietdiencampha.com.vn>;
- Mã cổ phiếu: Chưa cấp mã;

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 220300067 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 04/11/2002. Công ty được thành lập trên cơ sở góp vốn của năm (05) cổ đông sáng lập là các tổng công ty Nhà nước, bao gồm: Tổng công ty Than Việt Nam (VINACOAL), Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt nam (VINAINCON), Tổng công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng (LICOGI), Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX).

Quá trình phát triển của Công ty được ghi nhận bởi các dấu mốc quan trọng như sau:

- Tháng 04 năm 2006 Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1 được Công ty bắt đầu khởi công xây dựng và đã đi vào vận hành và phát điện thương mại từ tháng 08 năm 2010;

- Tháng 12 năm 2007 Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2 được Công ty bắt đầu khởi công xây dựng và bắt đầu đi vào vận hành và phát điện thương mại từ tháng 05 năm 2011;

- Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được chuyển thành công ty con trực thuộc Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin và là đơn vị hạch toán độc lập theo Quyết định số 3153/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam;

- Ngày 01/10/2010 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin theo Quyết định số 807/ĐLTKV-TCLĐTL ngày 01/10/2010 của Tổng công ty Điện lực - Vinacomin;

- Bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin chính thức tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh Việt Nam theo văn bản hướng dẫn số 5742 ngày 29/06/2012 của Bộ Công Thương. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin trực tiếp nộp bản chào giá bán điện với Công ty mua bán điện (EPTC) của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Các mốc sự kiện quan trọng của Công ty gồm:

Năm	Sự kiện quan trọng
2002	Thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả.
2002	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả.
2006	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả ký hợp đồng EPC với nhà thầu HPE xây dựng Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1.
2007	Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả ký hợp đồng EPC với nhà thầu HPE xây dựng Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2.
2007	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1.
2008	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2.
2009	Công ty Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả là công ty con trực thuộc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin.

2010	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin.
2010	Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1 được đưa vào vận hành.
2011	Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2 được đưa vào vận hành.
2012	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin tham gia thị trường phát điện cạnh tranh Việt nam (VCGM).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống điện Quốc gia.

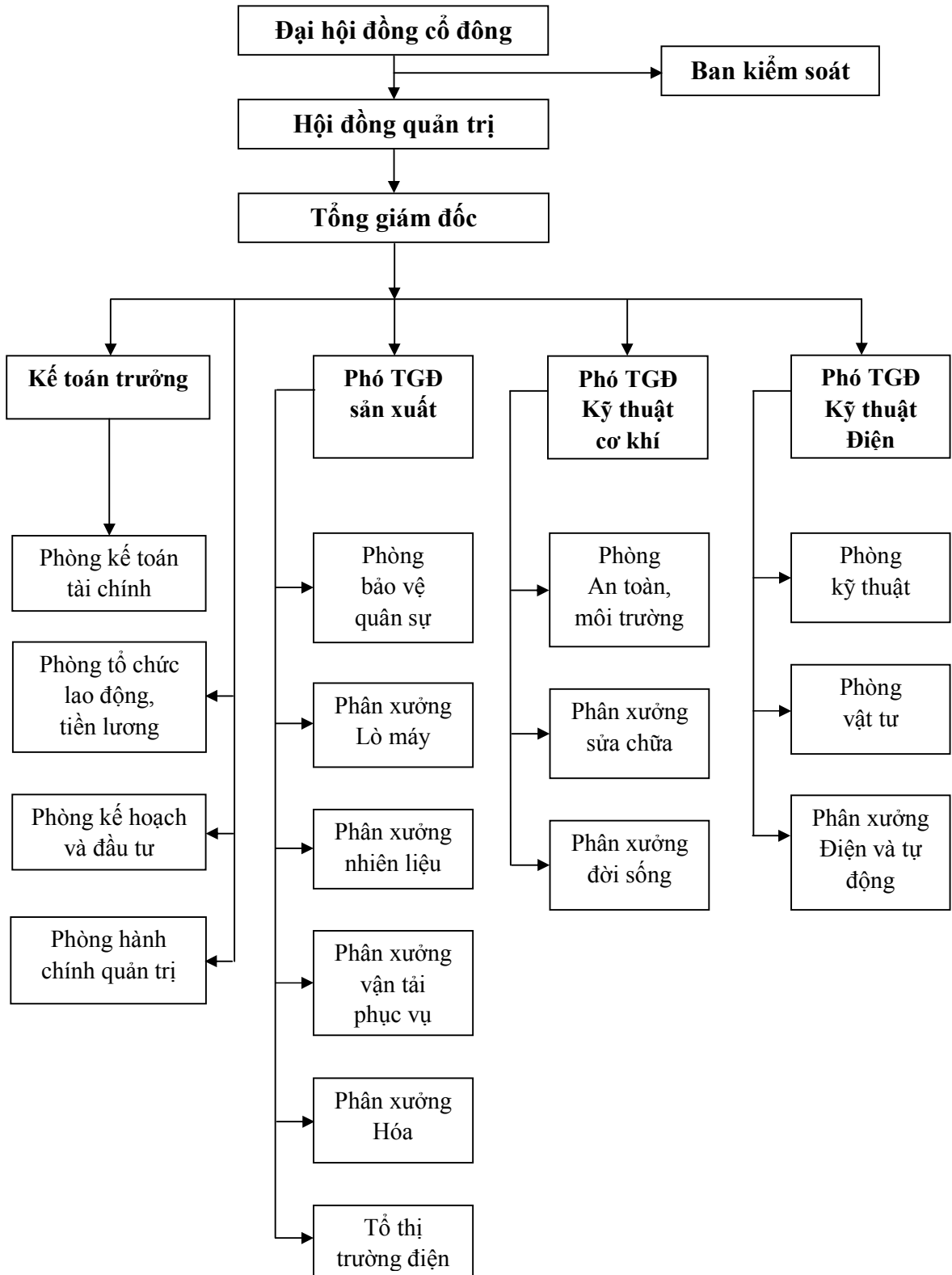
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là tỉnh Quảng Ninh, Việt nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

• Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

- *Cơ cấu bộ máy quản lý:*



- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

5. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 3,8 tỷ kWh trở lên;

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:**

- Tiếp tục duy trì khai thác bán tro, xỉ để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao doanh thu và lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục, khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá, cụ thể:

- **Rủi ro tỷ giá:** Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá giữa đồng Đôla Mỹ và Đồng Việt Nam.
- **Rủi ro lãi suất:** Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.
- **Rủi ro về giá hàng hóa:** Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.2. *Rủi ro tín dụng:* Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

6.3. *Rủi ro thanh khoản:* Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty Công ty không có đủ nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Việc quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2013 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao. Năm 2013, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế nặng nề. Nhu cầu sử dụng điện không căng thẳng như những năm trước, tình hình thủy văn có nhiều thuận lợi do đó EVN ưu tiên phát công suất cao tại các nguồn thủy điện và huy động phát công suất thấp các nhà máy nhiệt điện. Có thời điểm, Công ty chỉ phát điện một tổ máy. Năm 2013, Công ty sản xuất được 3 tỷ 269 triệu kWh đạt 103% so với kế hoạch năm, doanh thu từ sản xuất điện đạt 3.561 tỷ đồng đã giúp cho Công ty có lợi nhuận trước thuế là 154,27 tỷ đồng.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012 (tỷ đồng)	Năm 2013 (tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
1	Sản lượng điện sản xuất (tỷ kwh)	2,962	3,269	10,36
2	Tổng tài sản	9.839,47	9.423,63	-4,23
3	Vốn chủ sở hữu	1.399,11	1.553,38	11,03
4	Vốn điều lệ	2.080,00	2.080,00	00,00
5	Doanh thu thuần	2.638,42	3.561,03	34,97
6	Lợi nhuận trước thuế	0,419	154,27	36.718,62
7	Lợi nhuận sau thuế	0,419	154,27	36.718,62

Kết thúc năm tài chính 2013, doanh thu của Công ty đạt 3.571,99 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ sản xuất điện vẫn chiếm tỷ trọng chính (99,69%), tiếp theo là doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng 0,23%, doanh thu từ hoạt động khác chiếm 0,08%.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

- Ông Phạm Đắc Lâm - Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Linh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Trinh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Dương Hồng Hải - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trung Thực - Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban điều hành như sau:

1	Ông Phạm Đắc Lâm	
♦	Chức danh	Tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	30/10/1959
♦	Nơi sinh	Thái Bình
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt nam
♦	Địa chỉ thường trú	Tổ 23 C, Khu 4, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	10/10
♦	Số CMND	090551181
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp

♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Tổng giám đốc
♦	Quá trình công tác	
	10/1976 - 08/1978	Sinh viên, ngành Điện khí hóa, trường ĐH Công nghiệp Thái Nguyên.
	08/1978 - 06/1982	Bộ đội, Tiểu đoàn 14, Sư đoàn 347, Quân đoàn 5.
	06/1982 - 06/1986	Sinh viên ngành Điện khí hóa, Trường ĐH CN Thái Nguyên.
	06/1986 - 11/1986	Chờ phân công công tác tại Đông Mỹ, Đông Hưng, Thái Bình.
	11/1986 - 02/1987	Cán bộ kỹ thuật, PX. Cơ điện, Mỏ than Đèo Nai.
	03/1987 - 10/1989	Cán bộ kỹ thuật, Công trường Xúc, mỏ than Đèo Nai.
	10/1989 - 04/1999	Đốc công, công trường Xúc, mỏ than Đèo Nai.
	05/1999 - 10/2001	Trưởng phòng Vật tư, mỏ than Đèo Nai.
	10/2001 - 12/2001	Trưởng phòng Vật tư, Công ty Than Đèo Nai
	01/2002 - 03/2007	Phó giám đốc, Công ty than Đèo Nai
	04/2007 - 10/2008	Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc, Công ty CP Than Cao Sơn-TKV.
	11/2008 - 11/2009	Phó tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả
	12/2009 - 04/2010	Tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả, Ủy viên HĐQT Công ty
	04/2010 - 10/2011	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả, Phó bí thư Đảng ủy Công ty.
	10/2011 - 05/2013	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

		Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, Phó bí thư Đảng ủy Công ty.
	05/2013 - nay	Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, Phó bí thư Đảng ủy Công ty.
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không
2	Ông Nguyễn Văn Linh	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	07/01/1953
♦	Nơi sinh	Nam Định
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt Nam
♦	Địa chỉ thường trú	Khu 3, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	10/10
♦	Số CMND	100598051
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nhiệt điện
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Đã nghỉ hưu
♦	Quá trình công tác	
	09/1970-09/1971	Đại học Cầu đường Mascova
	09/1971-06/1976	Đại học Bách khoa Minsk
	03/1977-10/1982	Cán bộ giảng dạy Đại học Mỏ-Địa chất
	11/1982-08/1984	Phiên dịch, Xí nghiệp Vận tải ô tô Cẩm Phả
	09/1984-05/1990	Cán bộ kỹ thuật XN Vận tải ô tô Cẩm Phả
	06/1990-08/1994	Cán bộ kỹ thuật Mỏ than Cao Sơn
	09/1994-12/1995	Cán bộ KT Trung tâm thiết kế than Cẩm Phả
	01/1996-03/1997	Phó phòng Cơ điện TT Thiết kế than Cẩm Phả
	04/1997-09/1998	Trưởng phòng Tổng hợp TT Thiết kế

		Than Cẩm Phả
	10/1998-12/1998	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp TTTK Than Cẩm Phả
	01/1999-06/1999	Phó kỹ sư trưởng Cơ điện TTTK Than Cẩm Phả
	07/1999-08/1999	Trưởng phòng Cơ điện, TTTK Than Cẩm Phả
	08/1999-05/2002	Chuyên viên Ban phát triển các dự án điện TVN
	06/2002-11/2002	Chuyên viên chính Ban PT các dự án điện TVN
	12/2002-02/2003	Trưởng phòng Kỹ thuật Ban QLDA Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả
	03/2003-05/2006	PGĐ Ban QLDA Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả
	06/2006-01/2013	Phó Tổng giám đốc Công ty, kiêm PGĐ Ban QLDA Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả
	02/2013 đến nay	Nghỉ hưu
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không
3	Ông Vũ Xuân Trình	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	10/06/1969
♦	Nơi sinh	Ninh Bình
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt Nam
♦	Địa chỉ thường trú	Tổ 3, Khu I, phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	12/12
♦	Số CMND	164001687
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt - ngành Nhiệt lạnh
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó tổng giám đốc
♦	Quá trình công tác	

	12/1986-04/1988	Học nghề CNKT Điện Súc Sơn Hà Nội
	12/1988-12/2003	Công nhân vận hành điện Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình
	01/2004-11/2005	Trưởng ca Vận hành-Tổ trưởng ca Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
	12/2005-04/2006	Kỹ sư Nhiệt phòng Kỹ thuật 1-Ban QLDA, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả
	05/2006-06/2006	Phó phòng KT2 Ban QLDA nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả
	07/2006-03/2009	Phó phòng KT2, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả, kiêm phó phòng Ban QLDA
	03/2009-12/2009	Trưởng bộ phận Ban CBSX, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả
	01/2010-02/2010	Phụ trách Trung tâm Điều khiển sản xuất, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả
	02/2010-nay	Phó tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả,
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không
4	Ông Dương Hồng Hải	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	01/02/1966
♦	Nơi sinh	Quảng Ninh
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt nam
♦	Địa chỉ thường trú	Tổ 8, Khu 3, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	10/10
♦	Số CMND	100473819
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí Ô tô
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó tổng giám đốc

♦	Quá trình công tác	
	12/1983-04/1986	Học nghề s/c máy mỏ, Trường CNKT Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	05/1986-08/1988	Thợ sửa chữa máy mỏ, PX. Máy mỏ, Nhà máy Cơ khí trung tâm Cẩm Phả
	09/1989-01/1990	Nhà máy cử đi thực tập tay nghề tại Liên Xô cũ
	02/1990-12/1998	Thợ máy, PX. Máy mỏ 1, Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	01/1999-11/2000	Cán bộ, Phòng Hợp tác quốc tế, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	12/2000-05/2001	Cán bộ, Phòng Kỹ thuật, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	05/2001-02/2003	Cán bộ, Phòng Thị trường, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	02/2003-12/2003	Đốc công, Công trường Chế tạo thiết bị điện Na Dương, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	12/2003-07/2005	Cán bộ, Phòng Thị trường, Công ty chế tạo máy -TKV
	07/2005-09/2005	Công nghệ viên, PX. Kết cấu Xây lắp 2, Công ty chế tạo máy TKV
	09/2005-05/2006	Biên dịch viên, Phòng Biên dịch, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả
	06/2006 - 12/2009	Trưởng phòng Biên dịch, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả
	01/2010-09/2011	Quản đốc, PX. Nhiên liệu-Vận tải, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả.
	10/2011-05/2012	Quản đốc PX. Nhiên liệu-Vận tải, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả-Vinacomin.
	06/2012 - nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả -Vinacomin
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

5	Ông Nguyễn Trung Thực	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	18/9/1978
♦	Nơi sinh	Thái Nguyên
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt nam
♦	Địa chỉ thường trú	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên
♦	Trình độ văn hóa	12/12
♦	Số CMND	090677575
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa, Cử nhân Quản trị kinh doanh
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó tổng giám đốc
♦	Quá trình công tác	
	07/2002 - 06/2003	Công nhân Kỹ thuật của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Lilama
	06/2003 - 04/2011	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin
	05/2011 - 02/2013	Trưởng Ban Kỹ thuật, Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin
	03/2013 - 05/2013	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin
	05/2013 - nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, Ủy viên HĐQT
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 01/02/2013, ông Nguyễn Văn Linh thôi đảm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách công tác kỹ thuật theo Quyết định số 89/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2012 của Hội đồng quản trị (nghỉ hưu).

- Ngày 01/03/2013, ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác kỹ thuật điện theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 28/2/2013 của Hội đồng quản trị.

- Ngày 28 tháng 05 năm 2013 ông Phạm Đắc Lâm thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị sau Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

- Ngày 28 tháng 05 năm 2013 ông Nguyễn Trọng Hùng đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT thay ông Phạm Đắc Lâm sau Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 .

- Ngày 01 tháng 06 năm 2012 ông Dương Hồng Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác kỹ thuật cơ khí.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Đối tượng	Tổng số CBCNV đầu năm 2013	Số CBCNV tăng trong năm 2013	Số CBCNV giảm trong năm 2013	Tổng số CBCNV cuối năm 2013
Tổng số	716	59	49	726
Ban TGD	3	2	1	4
Đoàn thể	1	1	1	1
Phòng tổ chức LĐTL	12	2	1	13
Phòng kế hoạch đầu tư	5	0	0	5
Phòng kế toán tài chính	9	0	0	9
Phòng vật tư	15	0	1	14
Phòng hành chính QT	24	0	1	23
Phòng an toàn môi trường	4	0	0	4
Phòng bảo vệ quân sự	39	1	4	36
Phòng kỹ thuật	19	2	0	21
Phân xưởng Lò máy	170	15	20	165
Phân xưởng Điện	55	4	1	58
Phân xưởng vận tải	86	5	0	91
Phân xưởng nhiên liệu	80	0	10	70
Phân xưởng sửa chữa	104	21	6	119
Phân xưởng hóa	46	5	0	51
Phân xưởng đời sống	35	0	1	34
Trung tâm ĐK sản xuất	9	01	2	8

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà các lợi ích của Công ty và người lao động. Thu nhập bình quân người lao động trong công ty năm 2013 là 7 triệu đồng/người/tháng.

b) Quản trị nguồn nhân lực:

Công ty luôn trú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt. Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi người lao động về hưu hoặc chuyển công tác. Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

c) Chính sách khác:

Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao v.v.

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:

- + Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;
- + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch và học tập trong và ngoài nước;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

• Các khoản đầu tư lớn:

Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền đến cuối năm 2013 là: 13,1 tỷ đồng.

• Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	9.839.479	9.423.632	-4,23
2	Doanh thu thuần	2.638.427	3.561.037	34,97
3	Lợi nhuận từ HĐKD	-2.022	153.245	7678,88
4	Lợi nhuận khác	2.441	1.026	-57,97
5	Lợi nhuận trước thuế	419	154.271	36.718,85
6	Lợi nhuận sau thuế	419	154.271	36.718,85
7	Tỷ lệ lợi nhuận để trả cổ tức	0	0	0

(Nguồn BCTC hợp nhất CPC đã kiểm toán năm 2012, 2013)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,71	0,79	
-	Hệ số thanh toán nhanh	0,62	0,69	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,86	0,84	
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	6,03	5,07	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	20,72	21,59	
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,27	0,38	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,0002	0,0433	
-	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0003	0,0993	
-	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,00004	0,01637	
-	Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,001	0,043	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 196.980.622 (Một trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn, sáu trăm hai mươi hai) cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/3/2014 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 18/3/2013 do TTLKCK Việt Nam cung cấp - ngày chốt danh sách để đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014) như sau:

STT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
I	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
-	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	1	168.910.167	85,75
-	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	372	28.070.456	14,25
II	Phân loại theo chủ thể sở hữu			
-	Cá nhân	362	7.248.000	3,68
-	Tổ chức	11	189.732.622	96,32
-	Trong nước	373	196.980.622	100
-	Nước ngoài	0	0	0
-	Cổ đông nhà nước	10	189.712.622	96,31
-	Cổ đông khác	363	7.268.000	3,69

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2013, sản lượng điện do Công ty sản xuất được là 3 tỷ 269 triệu kWh điện và bằng 103 % kế hoạch. Công ty chỉ đạt được sản lượng điện như trên là do nhu cầu phụ tải điện năm 2013 thấp và EVN ưu tiên tối đa phát điện từ các nhà máy thủy điện phát công suất cao tại các nguồn thủy điện và huy động phát công suất thấp các nhà máy nhiệt điện. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty đạt được là 154,27 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng và bắt đầu sản xuất điện đến nay Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý và phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã xây dựng và dần hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty.

- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát:

- Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát

trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2013 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể như sau: tổng tài sản đầu năm là 9.839,47 tỷ đồng, tổng tài sản cuối năm là 9.423,02 tỷ đồng giảm 416,45 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản là do:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 5 tỷ đồng. Bên cạnh việc tiền và các khoản tương đương tiền tăng thì các khoản phải thu ngắn hạn tăng mà chủ yếu là từ khoản phải thu của khách hàng mua điện tăng 229 tỷ đồng. Điều đó làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty do bị chiếm dụng vốn, do đó khả năng quay vòng vốn không cao. Hàng tồn kho tăng 28 tỷ đồng so với năm 2013, hàng tồn kho tăng dẫn đến ứ đọng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài sản dài hạn trong năm 2013 giảm 682 tỷ, trong đó tài sản cố định hữu hình giảm 532 tỷ và chi phí trả trước dài hạn giảm 122 tỷ. Việc tài sản cố định trong năm giảm là do một số tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu được chuyển đổi thành công cụ dụng cụ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC và hạch toán giá trị còn lại vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và phân bổ cho các năm tiếp theo.

b) Tình hình nợ phải trả

Hiện tại Công ty có khoản nợ ngắn hạn là 1.248 tỷ đồng và nợ dài hạn là 6.621 tỷ đồng. Tổng nợ phải trả của Công ty vào cuối năm 2013 giảm 6,75 % so với cùng kỳ năm 2012.

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là các khoản nợ có gốc ngoại tệ (USD) cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả 1 và 2 bao gồm nợ phải trả nhà thầu nước ngoài HEI và các khoản vay ngoại tệ. Những biến động về tỷ giá giữa đồng Đôla Mỹ và VND là khó kiểm soát trong năm 2013, tạo khó khăn cho công ty trong kế hoạch điều hành cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2013, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2013 như sau:

- Công tác điều hành năng động, các mặt quản lý ngày càng hoàn thiện và nâng cao, sản lượng điện sản xuất đảm bảo đáp ứng được sản lượng theo hợp đồng CfD; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 ổn định, hiệu quả. Sản lượng điện sản xuất đạt: 3,269 tỷ kWh, đạt 103 % so với kế hoạch; Doanh thu từ sản xuất điện: 3.561 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 8,16 tỷ đồng. Tổng doanh thu 3.571,99 tỷ đồng đạt 124 % so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế: 154,27 tỷ đồng, đạt 297 % so với kế hoạch;

- Công tác đầu tư tài chính linh hoạt, cố gắng nhiều nên Doanh thu tài chính năm 2013 là tốt;

- Lưu ý giám sát việc xuất nhập hàng hoá, vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của hàng tồn kho; xây dựng danh mục các vật tư thiết bị là hàng dự phòng chiến lược;

- Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xỉ) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Ban điều hành cần chủ động trong thời gian tới về vấn đề nhân lực.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, ổn định và hiệu quả, từng bước mở rộng hoạt động và kinh doanh có lãi. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh trước mọi diễn biến của thị trường.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng quản trị sẽ bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, ổn định và hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;
- Phân đầu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;
- Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đắc Lâm - Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Thực - Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Thường - Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Minh Thắng - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành		
1	Nguyễn Trọng Hùng	0	Chủ tịch Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
2	Ngô Minh Thắng	0	Trưởng ban lao động tiền lương Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
II	Thành viên HĐQT khác	0	
1	Phạm Đắc Lâm	0	
2	Nguyễn Trung Thực	0	
3	Phạm Văn Thường	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Năm 2013, Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua Báo cáo hoạt động của TGD gửi các thành viên HĐQT hàng tháng.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
1	Số: 05/QĐ-HĐQT	04/2/2013	V/v “Ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ trong Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin”
2	Số: 06/QĐ- HĐQT	04/2/2013	V/v “Ban hành Quy chế quản lý cán bộ trong Công ty”
3	Số: 10/QĐ-HĐQT	28/10/2013	V/v “Bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Thực, Trưởng ban kỹ thuật Tcty Điện lực - Vinacomin làm Phó TGD Cty”
4	Số: 12/QĐ-HĐQT	11/4/2013	V/v “Chi tiền thưởng cho ông Lâm TGD đã hoàn thành nhiệm vụ SXKD 2012”
5	Số: 13/QĐ-HĐQT	12/4/2013	V/v “Thưởng cho ông Lâm TGD đạt danh hiệu tiên tiến”
6	Số: 18/QĐ-HĐQT	25/4/2013	V/v “Ban hành quy chế quản lý tiền lương Công ty”
7	Số: 24/NQ-HĐQT	02/5/2012	V/v “Thông qua nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013”.
9	Số: 34/QĐ-HĐQT	24/5/2013	Vv “Đổi tên phòng Kế hoạch thành phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty,”
10	Số: 35/QĐ-HĐQT	29/5/2013	Vv “Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin ”
11	Số: 40/QĐ-HĐQT	19/6/2013	Vv “Nâng bậc lương cho Ô Trình P.TGD Công ty”
12	Số: 46/QĐ-HĐQT	24/7/2013	Vv “ Bổ nhiệm ông Phạm Văn Thường giữ chức Kế toán trưởng Công ty”
13	Số: 50/QĐ-HĐQT	16/8/2013	Vv “Phê duyệt bổ sung KH đấu thầu Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả”

14	Số: 52/BB-HĐQT	10/09/2013	Biên bản họp Hội đồng quản trị công ty
15	Số: 58/QĐ-NĐCP	03/10/2013	V/v “Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2012”
16	Số: 61/QĐ-NĐCP	04/10/2013	V/v “Ban hành công tác Văn thư - Lưu trữ của Công ty”
17	Số: 62/QĐ-NĐCP	04/10/2013	V/v “ Phê duyệt kế hoạch đấu thầu (lập đề cương, báo cáo lựa chọn bãi thải xỉ 2)”
18	Số: 71/QĐ-NĐCP	27/11/2013	QĐ “Thông qua chủ trương đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán VN”
19	Số: 72/QĐ-NĐCP	27/11/2013	QĐ “Ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ trong Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin” thay thế QĐ 05/QĐ-HĐQT
20	Số: 74/QĐ-NĐCP	04/12/2013	V/v “Phê duyệt và thông qua kết quả xác định thời gian thực hiện hợp đồng 02/2007-CP”
21	Số: 76/NQ-NĐCP	10/12/2013	NQ “Chào bán cổ phần riêng lẻ của Cty cho cổ đông sáng lập Tổng công ty Điện lực-Vinacomin”
22	Số: 82/NQ-NĐCP	27/12/2013	NQ “Phê duyệt và thông qua dự thảo hợp đồng tín dụng giữa Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả-Vinacomin và NHTM CP Công thương VN - Chi nhánh Cẩm Phả”
23	Số: 86/NQ-NĐCP	27/12/2013	NQ “Phê duyệt chủ trương góp vốn thực hiện dự án tổng thể đầu tư XD trạm quan trắc môi trường ...”

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 02 thành viên độc lập là ông Nguyễn Trọng Hùng và ông Ngô Minh Thắng. Ông Nguyễn Trọng Hùng: Chủ tịch Tổng công ty Điện lực - Vinacomin, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực kế hoạch và quản lý vận hành các nhà máy nhiệt điện. Ông Ngô Minh Thắng: Trưởng ban lao động tiền lương Tổng công ty Điện lực - Vinacomin, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực tổ chức lao động và

công tác quản lý tiền lương. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Bà Nguyễn Thị Hà	0	Trưởng ban tài chính Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
2	Bà Lưu Thị Minh Thanh	0	Phó ban kế toán Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
3	Bà Đặng Thị Bảo Thái	0	

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123 - Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 33 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin;

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2013 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2013;

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2013:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2013 cụ thể như sau :

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương và thù lao thực lĩnh năm 2013
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	17.410.500
2	Phạm Đắc Lâm	Tổng giám đốc	363.936.049
3	Nguyễn Văn Linh	UV HĐQT	21.858.083
4	Phạm Văn Thường	UV HĐQT	244.603.917
5	Nguyễn Trung Thực	UV HĐQT	210.925.446
6	Ngô Minh Thắng	UV HĐQT	15.049.350
7	Nguyễn Thị Hà	Trưởng BKS	24.987.600
8	Lưu Thị Minh Thanh	UV BKS	14.262.300
9	Đặng Thị Bảo Thái	UV BKS	146.259.627

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty trong những năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm theo quy định trong Điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được lập ngày 24 tháng 03 năm 2014 , bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh

ngành Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến điểm 4.5.1 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính: Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định của Công ty để phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính đã làm cho khấu hao tài sản hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian trích khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm cho lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Nguyễn Hồng Quang

Phó Giám đốc CN Hà Nội

Số Giấy CNDKHN: 0576-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN: 1673-2013-009-1

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nội dung chi tiết Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Phòng KTTC;
- Lưu văn thư.

Đại diện theo pháp luật của Công ty 

TỔNG GIÁM ĐỐC



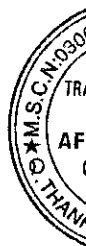
Phạm Đức Lâm

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN

CẨM PHẢ - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 33

• 48!
CÔN
HHH
IÊN
VI
HI N
HÀ
XUẢ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/7/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch (i)
- Ông Phạm Đắc Lâm	Ủy viên (i)
- Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên (i)
- Ông Ngô Minh Thắng	Ủy viên (i)
- Ông Nguyễn Trung Thực	Ủy viên (i)

- (i) Được bầu theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 18/NQ-ĐHĐCĐ-2013 ngày 28/5/2013 (nhiệm kỳ 2013 - 2018).

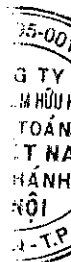
Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Đắc Lâm	Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Trình	Phó Tổng giám đốc
- Ông Dương Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Linh	Phó Tổng giám đốc (ii)
- Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Tổng giám đốc (iii)

- (ii) Ông Nguyễn Văn Linh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/2/2013 theo Quyết định số 89/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2012 của Hội đồng quản trị.

- (iii) Ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 28/2/2013 của Hội đồng quản trị.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

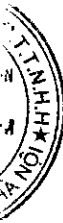
7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;



Số: 508/2014/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

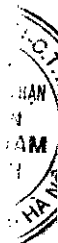
Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến điểm 4.5.1 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính: Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định của Công ty để phù hợp với chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính đã làm cho khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm cho lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc CN Hà Nội
Số Giấy CNDKHN: 0576-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN: 1673-2013-009-1



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		982.440.938.402	715.711.289.331
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	13.101.565.232	8.055.619.262
Tiền	111		13.101.565.232	8.055.619.262
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		842.179.318.152	608.678.799.842
Phải thu khách hàng	131		831.039.210.716	601.076.465.928
Trả trước cho người bán	132		909.250.141	271.226.123
Các khoản phải thu khác	135	5.2	10.230.857.295	7.331.107.791
Hàng tồn kho	140		127.068.808.190	98.009.308.074
Hàng tồn kho	141	5.3	127.068.808.190	98.009.308.074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		91.246.828	967.562.153
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	967.562.153
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	91.246.828	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.441.191.438.649	9.123.768.029.456
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		8.230.478.579.435	8.790.983.054.414
TSCĐ hữu hình	221	5.5	8.229.316.727.726	8.761.537.782.063
- Nguyên giá	222		10.245.972.393.868	10.240.228.192.022
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(2.016.655.666.142)	(1.478.690.409.959)
TSCĐ vô hình	227	5.6	14.666.680	44.000.008
- Nguyên giá	228		88.000.000	88.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(73.333.320)	(43.999.992)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.7	1.147.185.029	29.401.272.343
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		210.712.859.214	332.784.975.042
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	210.712.859.214	332.784.975.042
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.423.632.377.051	9.839.479.318.787

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.870.248.611.678	8.440.366.625.647
Nợ ngắn hạn	310		1.248.940.114.920	1.001.487.390.204
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		1.131.127.919.452	950.896.499.711
Người mua trả tiền trước	313		143.278.995	124.640.475
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	4.543.069.488	23.382.740.818
Phải trả người lao động	315		9.579.668.195	7.611.606.365
Chi phí phải trả	316	5.10	97.047.444.831	15.944.977.246
Phải trả nội bộ	317		249.690.849	238.816.273
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	3.680.685.995	1.579.270.965
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.568.357.115	1.708.838.351
Nợ dài hạn	330		6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.553.383.765.373	1.399.112.693.140
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	1.553.383.765.373	1.399.112.693.140
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(416.422.457.509)	(570.693.529.742)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.423.632.377.051	9.839.479.318.787

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ**

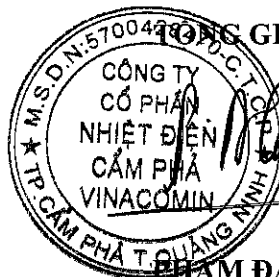
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		749,69	590,41
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**NGUYỄN THỊ DUNG****KẾ TOÁN TRƯỞNG****PHẠM VĂN THƯỜNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****PHẠM ĐẮC LÂM**JAA
C
ÁCH
KI
C
CHI
H
YX

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	2.727.192.013.967	2.032.956.752.801
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		833.845.508.576	605.470.426.910
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	8.169.439.089	13.908.032.750
Chi phí tài chính	22	6.6	653.783.489.099	593.317.521.727
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		444.029.575.591	474.339.306.386
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.986.200.303	28.082.952.686
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		153.245.258.263	(2.022.014.753)
Thu nhập khác	31		2.788.989.916	3.119.357.519
Chi phí khác	32		1.763.175.946	677.736.371
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.025.813.970	2.441.621.148
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		154.271.072.233	419.606.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		154.271.072.233	419.606.395
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		783,18	2,13

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

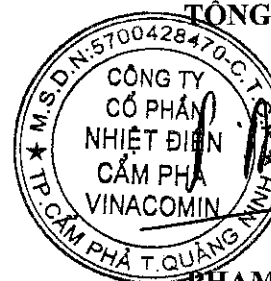
NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐỨC LÂM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	23.382.740.818	150.263.928.973	169.194.847.131	4.451.822.660
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	19.701.452.682	146.877.891.611	162.181.317.405	4.398.026.888
Thuế GTGT hàng NK	12	-	488.569.686	488.569.686	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	50.940.291	50.940.291	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	16	2.881.290.025	1.271.581.860	4.007.829.285	145.042.600
Thuế Nhà đất	17	23.790.500	48.227.253	1.082.884.127	(1.010.866.374)
Tiền thuê đất	18	417.428.324	608.611.131	22.940.820	1.003.098.635
Các khoản thuế khác	19	358.779.287	918.107.141	1.360.365.517	(83.479.089)
Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân		136.416.591	915.107.141	1.135.002.821	(83.479.089)
Các loại thuế khác		222.362.696	-	222.362.696	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	23.382.740.818	150.263.928.973	169.194.847.131	4.451.822.660

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐỨC LÂM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

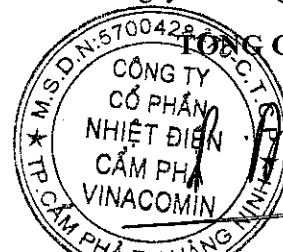
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	154.271.072.233	419.606.395
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	541.125.999.898	656.625.703.027
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	90.181.585.693	11.946.263.538
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.169.272.083)	(13.908.032.750)
Chi phí lãi vay	06	444.029.575.591	474.339.306.386
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.221.438.961.332	1.129.422.846.596
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(233.591.765.138)	216.274.275.664
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(29.059.500.116)	(24.037.832.965)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	176.688.428.952	(14.368.826.576)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	123.039.677.981	101.910.968.875
Tiền lãi vay đã trả	13	(363.541.069.306)	(563.441.719.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(13.750.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.472.400.000	983.745.455
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.435.380.500)	(499.188.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	896.011.753.205	846.230.519.403
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(2.422.155.561)	(316.320.838.372)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.169.272.083	13.908.032.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.747.116.522	(302.412.805.622)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	147.293.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.535.769.320	296.468.067.851
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(941.248.860.083)	(845.803.263.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(896.713.090.763)	(549.187.902.487)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5.045.778.964	(5.370.188.706)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.055.619.262	13.425.809.885
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	167.006	(1.917)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.101.565.232	8.055.619.262

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/07/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Vốn điều lệ của Công ty là 2.179.900.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 4 ngày 27/07/2012 như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
- Tổng Công ty Điện lực – Vinacomin	78% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Cọc 6	02% vốn điều lệ
- Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm	02% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Tây nam Đá Mài	01% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Đèo Nai	01% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Cao Sơn	01% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Mông Dương	01% vốn điều lệ
- Công ty TNHH MTV Than Thống nhất	01% vốn điều lệ
- Công ty TNHH MTV Than Dương Huy	01% vốn điều lệ
- Tổng Công ty XD công nghiệp Việt Nam	12% vốn điều lệ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 735 người, trong đó số cán bộ quản lý là 56 người.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam đặc thù áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

Thay đổi chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Từ ngày 10/06/2013, Công ty áp dụng Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính thay cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 để ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định.

Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định để phù hợp với chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính như nêu trên đã làm cho khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Vinacomin số 136/TKV-KT ngày 06/01/2014 là 21.085 VND/USD.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

4.4 Hàng tồn kho

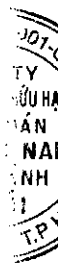
Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC Nhập trước, xuất trước



Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

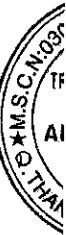
Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 (áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 (áp dụng kể từ ngày 10/06/2013) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định để phù hợp với chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính như nêu trên đã làm cho khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 (áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 (áp dụng kể từ ngày 10/06/2013) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.7 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

4488
CÔ
ÁCH NH
KIẾN
C VI
CHI
HÀ
Y XU

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21/06/2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng.

4.10 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá.

4.11 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện của Công ty là 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.12 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

35-0
B T V
H H U
TO A
T M
H A N
N O I
N - T

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và tương đương tiền**

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	212.151.945	49.814.214
Tiền gửi ngân hàng (ii)	12.889.413.287	8.005.805.048
Các khoản tương đương tiền (iii)	-	-
Cộng	13.101.565.232	8.055.619.262
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2013 bao gồm:		VND
Đồng Việt Nam		212.151.945
Ngoại tệ		-
Cộng		212.151.945
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 bao gồm:	USD	VND
Đồng Việt Nam		
<i>Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam Chi nhánh Cẩm Phả</i>		199.573.619
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả</i>		8.678.351.072
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Quảng Ninh</i>		1.206.351.312
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>		2.789.330.071
Ngoại tệ		
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương– CN Quảng Ninh</i>	693,84 #	14.629.616
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả</i>	55,85 #	1.177.597
Cộng	749,69	12.889.413.287

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	4.545.496.440	4.545.496.440
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	5.236.714.365	2.531.488.807
Phải thu người lao động	110.616.017	45.027.309
Bảo hiểm nộp thừa	274.916.105	160.383.761
Phải thu khác	63.114.368	48.711.474
Cộng	10.230.857.295	7.331.107.791

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	102.611.103.174	83.287.186.612
Công cụ dụng cụ	24.457.705.016	14.722.121.462
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Cộng	127.068.808.190	98.009.308.074

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	83.479.089	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.767.739	-
Cộng	91.246.828	-

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.950.945.903.080	8.229.763.633.180	49.205.292.395	3.636.936.916	6.676.426.451	10.240.228.192.022
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	11.379.849.170	3.136.454.383	33.220.096	1.120.807.296	15.670.330.945
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do điều chuyển nhóm	-	(1.625.343.797)	1.625.343.797	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(194.251.065)	-	(194.251.065)
- Giảm khác	(66.363.359)	(3.747.970.299)	(40.463.008)	(1.343.938.676)	(4.533.142.692)	(9.731.878.034)
Số dư cuối kỳ	1.950.879.539.721	8.235.770.168.254	53.926.627.567	2.131.967.271	3.264.091.055	10.245.972.393.868
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	152.966.105.994	1.314.020.916.183	8.270.149.590	858.940.910	2.574.297.282	1.478.690.409.959
- Khấu hao trong kỳ	54.363.025.080	479.534.750.800	5.455.012.665	507.324.807	1.236.553.218	541.096.666.570
- Hao mòn trong kỳ	177.500.736	-	-	-	-	177.500.736
- Tăng do điều chuyển nhóm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(194.251.065)	-	(194.251.065)
- Giảm khác	-	(312.019.012)	(6.122.319)	(459.741.707)	(2.336.777.020)	(3.114.660.058)
Số dư cuối kỳ	207.506.631.810	1.793.243.647.971	13.719.039.936	712.272.945	1.474.073.480	2.016.655.666.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	1.797.979.797.086	6.915.742.716.997	40.935.142.805	2.777.996.006	4.102.129.169	8.761.537.782.063
Tại ngày cuối kỳ	1.743.372.907.911	6.442.526.520.283	40.207.587.631	1.419.694.326	1.790.017.575	8.229.316.727.726

Trong đó: - Thê chấp, cầm cố
 - Đã KH hết, đang SD
 - Chờ thanh lý

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.6 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	88.000.000	88.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	88.000.000	88.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	43.999.992	43.999.992
- Khấu hao trong năm	-	29.333.328	29.333.328
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	73.333.320	73.333.320
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	44.000.008	44.000.008
Tại ngày cuối năm	-	14.666.680	14.666.680

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Cẩm Phả 1	597.155.416	508.835.952
Dự án Cẩm Phả 2	550.029.613	28.892.436.391
Cộng	1.147.185.029	29.401.272.343

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.921.452.404	9.234.527.272
Lỗ CLTG trong giai đoạn đầu tư XD CB	207.791.406.810	323.550.447.770
Cộng	210.712.859.214	332.784.975.042

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	4.398.026.888	19.701.452.682
Thuế tài nguyên	145.042.600	2.881.290.025
Thuế thu nhập cá nhân	-	136.416.591
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	441.218.824
Các loại thuế khác	-	222.362.696
Cộng	4.543.069.488	23.382.740.818

95-6
G T
M H
TOA
T I
H A
N O I
N - 1

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Chi phí sửa chữa thuê ngoài chưa có hóa đơn	620.500.000	-
Trích trước chi phí lãi vay	92.589.892.618	3.188.623.968
Phí bảo lãnh phải trả	-	5.036.945.040
Chi phí phải trả khác	3.837.052.213	7.719.408.238
Cộng	97.047.444.831	15.944.977.246

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

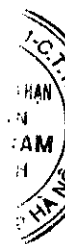
	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Kinh phí công đoàn	12.361.509	162.358.150
Bảo hiểm xã hội	-	339.147
Kinh phí hoạt động công tác đảng	101.365.185	100.702.433
Công đoàn phí	43.533.517	37.564.867
Quỹ hỗ trợ người lao động đóng	81.499.774	168.943.541
Thuế được hoàn của HPE	-	572.649.253
Phạt vi phạm hành chính thuế	-	487.605.652
Thưởng vận hành an toàn ngành điện	3.427.326.010	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.600.000	49.107.922
Cộng	3.680.685.995	1.579.270.965

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vay dài hạn	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
Vay ngân hàng (i)	2.074.012.470.390	2.424.616.186.332
- Ngân hàng Ngoại Thương	1.823.103.620.259	2.099.717.911.201
- Ngân hàng Hàng Hải	250.797.641.000	324.639.066.000
- Ngân hàng ĐT và Phát triển	111.209.131	259.209.131
Vay Tổng Công ty (ii)	4.547.296.026.368	5.014.263.049.111
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443

(i) Số dư tiền vay Ngân hàng tại 31/12/2013 bao gồm:

➤ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 86.464.482,82 USD tương đương



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

USD tương đương 303.850.603.025 VND) với lãi suất vay là LS Libor 6 tháng + lãi biên không quá 3.50%/năm, thời hạn vay 10 năm;

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 11.894.600,00 USD tương đương 250.797.641.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 78.052.453.000 VND) với lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên, thời hạn vay 10 năm;
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả bao gồm 01 hợp đồng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 111.209.131 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 111.209.131 VND) với lãi suất là 17,5%/năm, thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày ký và có thời hạn vay tối đa 48 tháng.

(ii) Số dư tiền vay Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin tại 31/12/2013 bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số HĐ 02/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 394.017.400.000 VND với lãi suất vay là 9,9%/kỳ và có thời hạn vay là 07 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 03/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 116.671.386.165 VND với lãi suất vay là 9,9%/năm (được điều chỉnh theo quy định của Tổng Công ty theo từng thời kỳ), thời hạn vay là 07 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 04/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 294.799.016.848 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 294.799.016.848 VND) với lãi suất vay là 10,4%/năm, thời hạn vay là 05 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 155.296.700,37 USD tương đương 3.274.430.927.301 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 233.887.923.273 VND) với lãi suất vay là 6,05%/năm (lãi suất cố định), thời hạn vay 10 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 03/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 10.000.000,03 USD tương đương 210.850.000.633 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 140.566.666.526 VND) với lãi suất vay thả nổi sibor 6 tháng + 1.4%/năm, thời hạn vay 05 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 04/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 256.527.295.421 đồng với lãi suất vay là 9,9%/năm (được điều chỉnh theo quy định của Tổng Công ty theo từng thời kỳ), thời hạn vay là 07 năm.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.13 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH		Vốn khác của CSH		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ DP tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.969.658.929.882		-		2.047.343		-		-	(571.113.136.137)	1.398.547.841.088			
- Tăng vốn trong năm trước	147.293.000		-		-		-		-	-	147.293.000			
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		-	419.606.395	419.606.395			
- Tăng khác	-		-		-		-		-	-	-			
- Giảm vốn trong năm trước	-		-		-		-		-	-	-			
- Lỗ trong năm trước	-		-		-		-		-	-	-			
- Giảm khác	-		-		(2.047.343)		-		-	-	(2.047.343)			

Số dư cuối năm trước/đầu năm nay

	1.969.806.222.882		-		-		-		-	(570.693.529.742)	1.399.112.693.140			
- Tăng vốn trong năm	-		-		-		-		-	-	-			
- Lãi trong năm	-		-		-		-		-	154.271.072.233	154.271.072.233			
- Tăng khác	-		-		-		-		-	-	-			
- Giảm vốn trong năm	-		-		-		-		-	-	-			
- Lỗ trong năm	-		-		-		-		-	-	-			
- Giảm khác	-		-		-		-		-	-	-			
Số dư cuối năm	1.969.806.222.882		-		-		-		-	(416.422.457.509)	1.553.383.765.373			

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cộng	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp đầu năm	1.969.806.222.882	1.969.658.929.882
Vốn góp tăng trong năm	-	147.293.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

3995
ÔNG
NHIỆM
M T
VIỆT
NH
CÀ N
DÂN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Doanh thu bán điện	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Doanh thu thuần bán điện	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.727.192.013.967	2.032.956.752.801
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	2.727.192.013.967	2.032.956.752.801

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.169.272.083	13.908.032.750
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	167.006	-
Cộng	8.169.439.089	13.908.032.750

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Chi phí lãi vay	434.810.230.957	469.302.361.346
Phí bảo lãnh	9.219.344.634	5.036.945.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.572.327.815	107.031.951.803
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	90.181.585.693	11.946.263.538
Cộng	653.783.489.099	593.317.521.727



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	154.271.072.233	419.606.395
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	196.980.622	196.977.185
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	783,18	2,13

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.099.848.368.185	1.300.444.243.994
Chi phí nhân công	70.569.789.310	63.349.423.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	541.125.999.898	656.625.703.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.293.106.894	26.687.814.533
Chi phí khác bằng tiền	674.887.615.028	607.927.778.511
Cộng	3.417.724.879.315	2.655.034.963.585

6.9 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<u>Ngày 31/12/2013</u>			
<u>Giá trị ghi sổ:</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.101.565.232		13.101.565.232
Phải thu khách hàng	831.039.210.716		831.039.210.716
Phải thu khác	11.140.107.436		11.140.107.436
<u>Trừ:</u>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT			
Tổng cộng	855.280.883.384		855.280.883.384
<u>Ngày 31/12/2013</u>			
Các khoản vay và nợ	1.051.267.871.803	5.570.040.624.955	6.621.308.496.758
Phải trả người bán	1.131.127.919.452		1.131.127.919.452
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	115.243.838.353		115.243.838.353
Tổng cộng	2.297.572.274.840	5.570.040.624.955	7.867.680.254.563
<u>Chênh lệch thanh khoản thuần</u>	<u>(1.442.358.746.224)</u>	<u>(5.570.040.624.955)</u>	<u>(7.012.399.371.179)</u>
<u>Ngày 01/01/2013</u>			
<u>Giá trị ghi sổ:</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.055.619.262		8.055.619.262
Phải thu khách hàng	601.076.465.928		601.076.465.928
Phải thu khác	7.602.333.914		7.602.333.914
<u>Trừ:</u>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT			
Tổng cộng	616.734.419.104		616.734.419.104
<u>Ngày 01/01/2013</u>			
Các khoản vay và nợ	945.952.199.346	6.492.927.036.097	7.438.879.235.443
Phải trả người bán	950.896.499.711		950.896.499.711
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	48.882.052.142		48.882.052.142
Tổng cộng	1.945.730.751.199	6.492.927.036.097	1.945.730.751.199
<u>Chênh lệch thanh khoản thuần</u>	<u>(1.328.996.332.095)</u>	<u>(6.492.927.036.097)</u>	<u>(7.821.923.368.192)</u>

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	831.039.210.716	601.076.465.928	831.039.210.716	601.076.465.928
<i>Các khoản PT khác</i>	11.140.107.436	7.602.333.914	11.140.107.436	7.602.333.914
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	13.101.565.232	8.055.619.262	13.101.565.232	8.055.619.262
Tổng cộng	855.280.883.384	616.734.419.104	855.280.883.384	616.734.419.104
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
<i>Phải trả người bán</i>	1.131.127.919.452	950.896.499.711	1.131.127.919.452	950.896.499.711
<i>Phải trả khác</i>	115.243.838.353	48.882.052.142	115.243.838.353	48.882.052.142
Tổng cộng	7.867.680.254.563	8.438.657.787.296	7.867.680.254.563	8.438.657.787.296

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2013 và ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

6.10 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty Điện lực – Vinacomin, các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn Vinacomin được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thu nhập năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng Giám đốc 1.229.816.308

Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị 129.107.800

Tổng cộng 1.358.924.108

Chi tiết giao dịch và số dư về các bên liên quan được thể hiện chi tiết tại các Bảng kê đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 04 - Vinacomin: Báo cáo đầu tư dài hạn khác;
- Phụ biểu B01-TSCĐ-HN: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong năm;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Thông tin so sánh

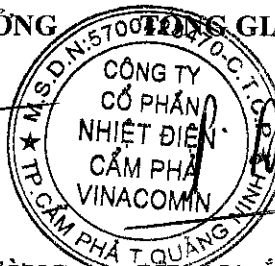
Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐỨC LÂM



Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4483
CỘNG HÒA
KIỂM M
G. VI
CHI N
HÀ
XU

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- VINACOMIN
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Mua trong năm		Tồn cuối năm	
			Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá
					Thành tiền (VND)	Thành tiền (VND)
A	B	C	1	2	3	4
12	Công ty CP thiết bị điện Vinacomin Thiết bị cơ nhiệt Chi phí sửa chữa				261.453.480 13.670.000 247.783.480	
13	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI Chi phí sửa chữa				1.145.967.884 1.145.967.884	
14	Công ty CP SX và kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI Thiết bị				5.306.132.281 5.306.132.281	
15	Trường Cao Đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm Dịch vụ				63.000.000 63.000.000	
16	Chi nhánh Công ty CP XNK than - Vinacomin tại Quảng Ninh Đồ dùng				27.179.500 27.179.500	
	Tổng Cộng		-	-	1.672.618.751.426	-

Người lập biểu

(Signature)

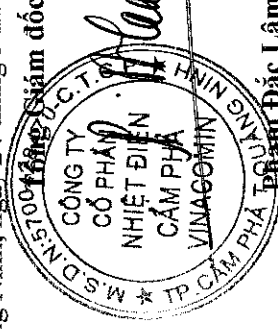
Nguyễn Thị Dung

Kế toán Trưởng

(Signature)

Phạm Văn Thường

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Phạm Đức Lâm

CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- VINACOMIN

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Chủng loại than	AK bq	Đơn vị	Doanh thu		Giá trị		Giá vốn	
				Số lượng	Đơn giá	(VND)	(VND)	Số lượng	Đơn giá
B			c	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG					6.095.278			6.095.278
	CÔNG TY TNHH MTV VITVT& XD			-	-	6.095.278	-	-	6.095.278
	Điện					6.095.278			6.095.278

Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thị Dung

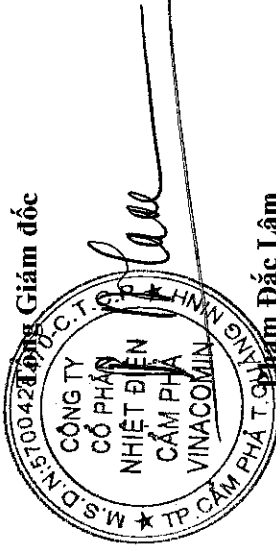
Kế toán Trưởng

(Signature)

Phạm Văn Thường

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



(Faint text at the bottom right)

CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 chi: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 31/12/2013

Tên đơn vị	Các khoản công nợ					Đơn vị: VND
	131	138	331	336	335	
NỢ PHẢI THU	1		2	3	4	5
CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN						
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	37.656.324	-	-	-	-	-
Công ty Nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin	37.656.324	-	-	-	-	-
CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN						
CỘNG	37.656.324					
NỢ PHẢI TRẢ						
CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN						
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	-	-	251.658.332.243	249.690.849	84.913.345.098	4.547.296.026.368
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	-	251.658.332.243	249.690.849	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	-	-	-	249.690.849	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị điện Vinacomin	-	-	249.879.849.470	-	-	-
Công ty Cổ phần SX và KD vật tư thiết bị - VVMI	-	-	43.919.451	-	-	-
Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	714.089.413	-	-	-
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	100.095.028	-	-	-
CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN						
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	-	-	208.128.910	-	-	-
CỘNG	-	-	17.770.365	-	-	-
	-	-	694.479.606	-	-	-
	-	-	-	-	84.913.345.098	4.547.296.026.368
	-	-	-	-	84.913.345.098	4.547.296.026.368
	-	-	251.658.332.243	249.690.849	84.913.345.098	4.547.296.026.368

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dung

Nguyễn Thị Dung

Kế toán Trưởng

Phạm Văn Thường

Phạm Văn Thường

